TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05/5/2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Tâm
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Khắc Hoàn
2. Ông Đàm Chí Thân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Nga - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại Phòng xử án Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2022/TLST- HNGĐ ngày 25/11/2022 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1961

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 3, ngõ 15 Trần Khánh Dư, khu 6, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

* Bị đơn: Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1960

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 3, ngõ 15 Trần Khánh Dư, khu 6, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà H và ông Ngô Văn T tự nguyện kết hôn năm 1985, có Giấy công nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày 06/11/1985, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian 07 năm. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường và không nảy sinh mâu thuẫn lớn, cuộc sống dù gặp nhiều khó khăn về kinh tế vì ông T không có việc làm ổn định và lười lao động nhưng trên tất cả, hai vợ chồng đã vượt qua được những khó khăn này. Cuộc sống vất vả nhiều năm đã đi qua, đến khi được hưởng thụ tuổi già, xum vầy bên con cháu thì ông T lại phản bội vợ con có tình cảm ngoài vợ chồng với người phụ nữ khác (bà chỉ biết đó là cô Nguyễn Thị Kim Oanh ở thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh) dẫn đến cuộc sống vợ chồng nhạt nhẽo, không hạnh phúc; ông T thường ra khỏi nhà, không quan tâm đến gia đình, vợ con và không có biểu hiện hối lỗi, không trách nhiệm với con cái, con gái lấy chồng ông cũng không tham dự. Bản thân bà cũng nhận thấy mình có khuyết điểm vì không đủ quan tâm và định hướng làm việc cho ông T

dẫn đến cuộc sống vợ chồng tẻ nhạt, không còn tình cảm và không có xu hướng đoàn tụ. Bà và ông T đã ly thân và không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng; ngày còn công tác, chưa về hưu thì ông T cũng ít khi ở nhà với vợ con. Bà H thấy không còn tình cảm với ông T để chung sống với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn T

Về con chung: Bà và ông Ngô Văn T có 02 (hai) con chung là Ngô Thị Thu Ng, sinh ngày 28/9/1989 và Ngô Nguyễn H1, sinh ngày 06/10/1995, các con chung đều đã thành niên không có nhược điểm về thể chất tâm thần, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về T sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Ngô Văn T quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định pháp luật nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do.

Xác minh tại khu phố nơi bà H và ông T sinh sống thể hiện: ông Ngô Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 3, ngõ 15 Trần Khánh Dư, khu 6, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, ông T thường ở cơ quan, ít khi ở nhà hơn, ông T và bà H có 02 (hai) người con (một người đã lập gia đình). Ông T và bà H đã mâu thuẫn âm ỉ từ lâu nhưng đến năm 2020 thì khu phố mới biết nhưng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của ông T và bà H là gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q phát biểu quan điểm việc tuân theo phát luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ, bị đơn đã được triệu tập theo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Về tạm ứng án phí: ngày 16/11/2022 bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; do đó việc Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

1.2. Về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Ngô Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Dó đó, việc xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Ngô Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng khó khăn về kinh tế trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng tẻ nhạt, không có hạnh

phúc. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án quyết cho ly hôn với ông Ngô Văn T; ông Ngô Văn T không không đến Tòa án theo triệu tập nhưng có xác minh tại khu phố thể hiện bà H và ông T đã mâu thuẫn âm ỉ từ lâu. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là có mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã phát sinh từ lâu, tổ dân khu phố đều nắm dược và bản thân vợ chồng đều không có ý định hàn gắn hay đoàn tụ.

Xét bị đơn - ông Ngô Văn T quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập để vợ chồng đoàn tụ thì vắng mặt không có lý do, không chấp hành pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hôn nhân đã vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đôi bên không muốn hòa giải đoàn tụ. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Ngô Văn T có 02 (hai) con chung là Ngô Thị Thu Ng, sinh ngày 28/9/1989 và Ngô Nguyễn H1, sinh ngày 06/10/1995 đều đã thành niên không có nhược điểm về thể chất tâm thần, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về T sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Xét ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm, tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại bà H theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Ngô Văn T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Ngô Văn T có 02 (hai) con chung là Ngô Thị Thu Ng, sinh ngày 28/9/1989 và Ngô Nguyễn H1, sinh ngày 06/10/1995 đều đã thành niên không có nhược điểm về thể chất tâm thần, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về T sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị Thu H 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự

sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010133 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn báo quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND Tx Q;
- Chi cục THADS Tx Q;
- UBND p. Q, Tx Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thanh Tâm